Tuần: 3+4+5+6 Ngày soạn: 15/07/2023

Tiết PPCT: 3+4+5+6 Ngày dạy:

**TÊN BÀI DẠY: CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ,**

**ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH**

Thời gian thực hiện: 4 Tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **STT**  **của YCCĐ** |
| **1. VỀ KIẾN THỨC** | | | |
| - **Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.** | | | (1) |
| - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa. | | | (2) |
| **2. VỀ NĂNG LỰC** | | | |
| **2.1 VỀ NĂNG LỰC CHUNG** | | | |
| **Tự chủ và tự học** | Chủ động tích cực để thực hiện nhiệm vụ được giao của cá nhân/ nhóm. | | (3) |
| **Giao tiếp và**  **hợp tác** | **Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.** | | (4) |
| **2.1 VỀ NĂNG LỰC ĐẶC THÙ** | | | |
| **Nhận thức khoa học địa lí** | + Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.  + Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa. | | (5) |
| **Tìm hiểu địa lí:** | + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ trang100-105.  + Sử dụng bản đồ địa hình Việt Nam, lát cắt địa hình để xác định các đỉnh núi, dãy núi, hướng núi, cao nguyên, đồng bằng,… | | (6) |
| **Năng lực**  **vận dụng** | Viết báo cáo ngắn để mô tả những đặc điểm chủ yếu của địa hình nơi em đang sống. | | (7) |
| **3. VỀ PHẨM CHẤT** | | | |
| **Yêu nước** | Yêu gia đình, quê hương, đất nước; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên. | | (8) |
| **Nhân ái** | Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ mọi người; cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. | |  |
| **Trách nhiệm** | **- Tích cực tham gia hoạt động nhóm** | | (9) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Chuẩn bị của GV** | **Chuẩn bị của HS** |
| **Hoạt động 1:**  Khởi động (10 phút) | Câu hỏi cho HS. | Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV. |
| **Hoạt động 2:**  Đặc điểm chung của địa hình (55 phút) | Nội dung bài học.  Câu hỏi cho HS.  Hình 2.1, 2.2, 2.3, 2.4  Phiếu học tập. | Sách giáo khoa, dụng cụ học tập, tìm hiểu trước bài học. Trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. Hoạt động nhóm. |
| **Hoạt động 3:**  Đặc điểm của các khu vực địa hình (90 phút) | Nội dung bài học.  Câu hỏi cho HS.  Hình 2.2, 2.4, 2.5  Phiếu học tập. | Sách giáo khoa, dụng cụ học tập, tìm hiểu trước bài học. Trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. Hoạt động nhóm. |
| **Hoạt động 4:**  Luyện tập (20 phút) | Nội dung bài học  Câu hỏi cho HS. | Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV. Hoạt động nhóm. |
| **Hoạt động 5:**  Vận dụng (5 phút) | Bài tập vận dụng.  Link nộp bài | Canva |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **BẢNG TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1:**  Khởi động (10 phút) | (3)(7) | Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS. | Quan sát, lắng nghe/ trực quan |  |
| **Hoạt động 2:**  Đặc điểm chung của địa hình (55 phút) | (1) (3) (4) (5) (7) (8)(9) | - HS trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam. | Vấn đáp/ think-pair – share/ trực quan | Quan sát, vấn đáp/ Câu hỏi/ CCĐG 1 |
| **Hoạt động 3:**  Đặc điểm của các khu vực địa hình (90 phút) | (2) (3) (4) (5) (7) (8)(9) | Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam (VN). | Vấn đáp/ mảnh ghép/trực quan | Quan sát, vấn đáp/ Câu hỏi/ CCĐG 2 |
| **Hoạt động 4:**  Luyện tập (20 phút) | (1) (2) (3)(5) (4) (8) (7) (9) | Củng cố kiến thức về vị trí địa lí VN | Động não/ vấn đáp/ hoạt động nhóm. | Quan sát, vấn đáp |
| **Hoạt động 5:**  Vận dụng (5 phút) | (1) (2) (3)(5) (4) (8) (7) | Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học về VN | Hoạt động cá nhân/ động não | Trình bày/ Điểm cộng |

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1:**

**Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** (3)(7)

**b) Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” cho HS.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời chủa HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập*** | |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” và phổ biến luật  - Yêu cầu: GV hoỉ nhanh, HS đáp nhanh. | HS tiếp nhận nhiệm vụ. |
| ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.  - GV giám sát và gợi ý hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ. | - HS chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ. |
| ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| GV mời HS thực hiện nhiệm vụ. | HS xung phong trả lời. Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung. |
| ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét phần chơi của HS và chốt kiến thức:  **+ Đáp án trò chơi:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | | **1. Đồng bằng** | **2. Bán bình nguyên** | **3. Cao nguyên** |   - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới: *Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên là một những dạng địa hình ở nước ta. Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên có những đặc điểm gì? Ở nước ta có những đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên nào? Bên cạnh những dạng địa hình này thì ở nước ta còn có những dạng địa hỉnh nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.* | |

**Hoạt động 2:** ***Tìm hiểu về Đặc điểm chung của địa hình (55 phút)***

**a. Mục tiêu:** (1) (3) (4) (5) (7) (8)

**b. Nội dung:** Quan sát hình 2.1, 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.3, 2.4 kết hợp kênh chữ SGK tr 100-102 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

**c. Sản Phẩm:** Phiếu học tập số 1.

**d. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập*** | |
| - GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi.  - GV đặt câu hỏi: HS dựa vào hình 1.1 SGK và thông tin trong bài, trang 97-98, hoàn thành PHT 1.  - GV đưa CCĐG 1. | HS tiếp nhận nhiệm vụ. |
| ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| + GV tổ chức và giám sát hoạt động thảo luận cặp đôi.  + GV quan sát, nhắc nhở, gợi ý cho các cặp thực hiện nhiệm vụ. | HS làm việc theo cặp |
| ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| GV tổ chức cho HS các cặp đôi trả lời câu hỏi. | - HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.  - HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá. |
| ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV dùng CCĐG 1 nhận xét, kết luận và chốt kiến thức:  **+ Đáp án: Phiếu học tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên. | - Địa hình phần lớn là đồi núi.  - Địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc.  - Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  - Địa hình chịu tác động của con người. | | 2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Đồi núi thấp dưới 1000m chiến bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ? Xác định một số đỉnh núi cao trên 2000m trên bản đồ. | - Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. Trong đó đồi núi thấp dưới 1000m chiến 85% (ví dụ: hình 2.1), núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích lãnh thổ (ví dụ: hình 2.2).  - Một số đỉnh núi cao trên 2000m: Phan-xi-păng 3147m, Phu Luông 2985m, Pu Xai Lai Leng 2711m, Ngọc Linh 2598m,… | | 3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?Đồng bằng nước ta được phân loại như thế nào? | Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ. Được chia thành đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển. | | 4. Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển. Qua đó em có nhận xét gì? | - Núi cao, núi trung bình, núi thấp, đồi, đồng bằng ven biển, thềm lục địa => Địa hình có độ cao giảm dần từ nội địa ra biển. | | 5. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào? | - Nguyên nhân: nhiệt độ cao, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, nước mưa hòa tan đá vôi cùng với sự khoét sâu của mạch nước ngầm.  - Biểu hiện:  + Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị cắt xẻ.  + Bồi tụ ở vùng đồng bằng và thung lũng.  + Nhiều hang động rộng lớn. | | 6. Quan sát video clip, hãy cho biết động Phong Nha được hình thành như thế nào? | Do nước mưa hòa tan đá vôi cùng với sự khoét sâu của mạch nước ngầm. | | 7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên. | Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập... |   ***\** Chuẩn kiến thức:**  **1. Đặc điểm chung của địa hình**  ***a. Địa hình phần lớn là đồi núi***  - Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.  - Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.  ***b. Địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc***  Núi cao, núi trung bình, núi thấp, đồi, đồng bằng ven biển, thềm lục địa.  ***c. Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa***  - Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị cắt xẻ.  - Bồi tụ ở vùng đồng bằng và thung lũng.  - Nhiều hang động rộng lớn.  ***d. Địa hình chịu tác động của con người***  Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập...  **\* CCĐG1:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | **Đúng** | **Sai** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** | | 1. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên. |  |  |  | Hoàn thành 2/3 phiếu học tập chính xác trong thời gian quy định là ĐẠT yêu cầu | Hoàn thành dưới 1/2 phiếu học tập chính xác trong thời gian quy định là CHƯA ĐẠT yêu cầu. | | 2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Đồi núi thấp dưới 1000m chiến bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ? Xác định một số đỉnh núi cao trên 2000m trên bản đồ. |  |  |  | | 3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?Đồng bằng nước ta được phân loại như thế nào? |  |  |  | | 4. Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển. Qua đó em có nhận xét gì? |  |  |  | | 5. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào? |  |  |  | | 6. Quan sát video clip, hãy cho biết động Phong Nha được hình thành như thế nào? |  |  |  | | 7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên. |  |  |  | | |

**TIẾT 2**

**Hoạt động 3:** **Tìm hiểu về Đặc điểm của các khu vực địa hình (90 phút)**

**a. Mục tiêu:** (2) (3) (4) (5) (7) (8)(9)

**b. Nội dung**

Quan sát hình 2.2 SGK tr101 (hoặc lược đồ địa hình), hình 2.4 tr102, hình 2.5 kết hợp kênh chữ SGK tr103-104, thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép, phương tiện trực quan.

**c. Sản Phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập*** | |
| - GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  - GV chiếu hình 2.2, 2.4, 2.5 lên bảng.  - GV yêu cầu HS kể tên các khu vực địa hình ở nước ta.  - GV chia lớp làm 2 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.4, 2.5 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  **+ Nhóm 1:**  Hoàn thành PHT 1  **+ Nhóm 2:**  Hoàn thành PHT 2  **+ Nhóm 3:**  Hoàn thành PHT 3  **+ Nhóm 4:**  Hoàn thành PHT 4  - GV giới thiệu CCĐG 2. | HS tiếp nhận nhiệm vụ. |
| ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| **\* Vòng 1: Chuyên gia (5p)**  + GV tổ chức và giám sát hoạt động thảo luận nhóm.  + GV quan sát, nhắc nhở, gợi ý, hỗ trợ cho các nhóm chuyên gia thực hiện nhiệm vụ.  + GV thu CCĐG 2 từ 4 nhóm trưởng.  **\* Vòng 2 – Mảnh ghép (8p)**  + GV tổ chức lớp thành 4 nhóm mới: nhón 1,2 cử địa diện gia nhập nhóm 3,4 và ngược lại.  + GV hướng dẫn học sinh làm nhiệm vụ nhóm mảnh ghép, tổ chức cho HS chuyên gia lần lượt trình bày kết quả thảo luận.  + Sau khi HS di chuyển hết 2 lượt, GV cho HS ngồi yên vị trí, thảo luận về sản phẩm của vòng 2. | **\* Vòng 1: Chuyên gia (5p)**  + Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ của nhóm.  **\* Vòng 2: Mảnh ghép (8p)**  + HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm mới và chuẩn bị báo cáo – trao đổi với cả lớp về kết quả đạt được.  + HS lắng nghe bạn chuyên gia thuyết trình, ghi chép những gì nghe và hiểu được.  + HS ngồi yên vị trí ban đầu, thảo luận. |
| ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| GV tổ chức cho HS các cặp đôi trả lời câu hỏi. | - HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.  - HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá. |
| ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV dùng CCĐG 2 nhận xét, kết luận và chốt kiến thức.  **+ Đáp án:**  **Phiếu học tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. Ngoài ra còn có địa hình cac-xtơ (cao nguyên đá Đồng Văn; hệ thống đảo đá vôi trong vịnh Hạ Long) | | *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. Trong khu vực còn có các dãy núi thấp, các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi, các cánh đồng thung lũng… |   ***Phiếu học tập 2:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | Là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹpvà dốc hơn so với sườn phía tây. | | *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | Gồm các khối núi Kon Tum, Cực Nam Trung Bộ nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng. |   ***Phiếu học tập 3:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ nên khu vực ngoài đê được bồi đắp phù sa hằng năm, khu vực trong đê không được bồi đắp. | | *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, U Minh. | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp. |   ***Phiếu học tập 4:***   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* | Địa hình bờ biển ở nước ta khá đa dạng: Các đồng bằng châu thổ, các bãi triều; một số nơi đồi núi lan ra sát biển làm cho đường bờ biển khúc khuỷu với các mũi đá, bán đảo, vũng vịnh sâu,...Ven biển Trung Bộ xuất hiện kiểu địa hình cồn cát, đầm, phá nhiều bãi biển đẹp. | | *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* | Mở rộng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển phía nam và tây nam, thu hẹp ở miền Trung. |   ***\** Chuẩn kiến thức:**  **2. Đặc điểm của các khu vực địa hình**  ***a. Địa hình đồi núi***  - Khu vực Đông Bắc  + Phạm vi: Nằm ở tả ngạn sông Hồng.  + Đặc điểm hình thái: chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo.  - Khu vực Tây Bắc  + Phạm vi: Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.  + Đặc điểm hình thái: địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.  - Khu vực Trường Sơn Bắc  + Phạm vi: từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  + Đặc điểm hình thái: là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹp và dốc hơn so với sườn phía tây.  - Khu vực Trường Sơn Nam  + Phạm vi: từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ.  + Đặc điểm hình thái: gồm các khối núi nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng.  - Ngoài ra ở Bắc Bộ có vùng đồi trung du, ở Đông Nam Bộ là dạng địa hình bán bình nguyên.  ***b. Địa hình đồng bằng***  - Đồng bằng sông Hồng  + Diện tích: khoảng 15000km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.  + Đặc điểm: Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.  - Đồng bằng sông Cửu Long  + Diện tích: khoảng 40000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp.  + Đặc điểm: có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn.  - Đồng bằng ven biển miền Trung  + Diện tích: khoảng 15000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển.  + Đặc điểm: Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp.  ***c. Địa hình bờ biển và thềm lục địa***  - Địa hình bờ biển ở nước ta khá đa dạng: Các đồng bằng châu thổ, các bãi triều; đường bờ biển khúc khuỷu với các mũi đá, bán đảo, vũng vịnh sâu,...Ven biển Trung Bộ xuất hiện kiểu địa hình cồn cát, đầm, phá nhiều bãi biển đẹp.  - Thềm lục địa: mở rộng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển phía nam và tây nam, thu hẹp ở miền Trung.  **\* CCĐG2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | | 1. Nội dung | - Trả lời đúng, đủ các câu hỏi | Xác định đúng nhưng còn thiếu 1-2 nội dung theo yêu cầu ở mức 1. | Còn nhiều nội dung chưa chính xác hoặc thiếu ý theo yêu cầu của mức 1 | | (6,0 điểm) | (3,0 - 5,0 điểm) | (0,0 - 2,0 điểm) | | 2. Hình thức tổ chức hoạt động | Các thành viên trong nhóm tổ chức hoạt động hiệu quả, chia sẻ đầy đủ nội dung thảo luận, có làm việc trên giấy A4. | Các thành viên trong nhóm tổ chức hoạt động hiệu quả, chia sẻ đầy đủ nội dung tuy nhiên còn thiếu một vài nội dung ở mức 1, có làm việc trên giấy A4 nhưng chưa đầy đủ. | Các thành viên trong nhóm tổ chức hoạt động chưa hiệu quả, chia sẻ đầy đủ nội dung tuy nhiên còn thiếu một vài nội dung ở mức 1, có làm việc trên giấy note nhưng chưa đầy đủ (Hoặc không làm viẹc trên giấy A4) | | (3 điểm) | (1,0 – 2,0 điểm) | (0,0 – 0,5 điểm) | | 3. Thời gian | Hoàn thành thảo luận sớm hoặc đúng thời gian. | Thảo luận quá thời gian quy định 1 phút. | Thảo luận quá thời gian quy định hơn 1 phút. | | (1 điểm) | (0,5 điểm) | (0,25 điểm) | | |

**Hoạt động 4: Luyện tập (20 phút)**

**a.Mục tiêu**

(1) (2) (3) (5) (4) (8) (7)

**b. Nội dung**

- HS làm bài tập trong phần luyện tập

- GV sử dụng kĩ thuật think-pair – share và phương tiện trực quan làm bài tập 1,2.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Cách thức tổ chức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập*** | |
| GV yêu cầu HS dựa vào hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:  1. Hoàn thành bảng so sánh về phạm vi và đặc điểm hình thái các khu vực đồi núi.  2. So sánh đặc điểm địa hình của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long. | HS tiếp nhận nhiệm vụ. |
| ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| **\* Vòng 1: Think (5p)**  + GV tổ chức và giám sát HS làm việc cá nhân  + GV quan sát, nhắc nhở, gợi ý, hỗ trợ cho HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Vòng 2 – Pair (3p)**  + GV tổ chức cho HS ghép cặp đôi.  + GV điều phối, ra hiệu lệnh cho HS làm việc cặp đôi 3 phút. | **\* Vòng 1: Think (5p)**  + HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân.  **\* Vòng 2: Pair (3p)**  + HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.  + HS lần lượt chia sẻ thông tin trong PHT cho bạn bên cạnh (lưu ý: trường hợp nhóm 3 HS thì chia sẻ vòng tròn cho đến hết.) |
| ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| **\* Vòng 3 – Share (3p)**  GV tổ chức cho HS các cặp đôi trả lời câu hỏi. | **\* Vòng 3 – Share (3p)**  - HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.  - HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá. |
| ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV thông qua trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.  **+ Đáp án:**  1\   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. Ngoài ra còn có địa hình cac-xtơ (cao nguyên đá Đồng Văn; hệ thống đảo đá vôi trong vịnh Hạ Long) | | *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. Trong khu vực còn có các dãy núi thấp, các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi, các cánh đồng thung lũng… | | *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | Là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹpvà dốc hơn so với sườn phía tây. | | *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | Gồm các khối núi Kon Tum, Cực Nam Trung Bộ nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng. |   2/   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ nên khu vực ngoài đê được bồi đắp phù sa hằng năm, khu vực trong đê không được bồi đắp. | | *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, U Minh. | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp. | | |

**Hoạt động 5. Vận dụng (05 phút)**

***a. Mục tiêu:*** (1) (2)(3) (5) (4) (8) (7)

***b.Nội dung***

GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

**c. Sản Phẩm**

Hình ảnh, thông tin HS sưu tầm được.

**d. Cách thức tổ chức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| ***Giao nhiệm vụ học tập*** | |
| GV đặt câu hỏi cho HS: Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:  Nhiệm vụ 1: Viết một báo cáo ngắn để mô tả những đặc điểm chủ yếu của địa hình nơi em sinh sống.  Nhiệm vụ 2: Thu thập thông tin và hình ảnh về tác động của con người đã làm thay đổi địa hình ở địa phương em. | HS tiếp cận nhiệm vụ.  HS hỏi đáp ngắn gọn những vấn đề cần tham khảo. |
| ***Thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| - GV gợi ý, hỗ trợ HS khi cần | HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà trong 1 tuần hoặc thực hiện ngay tại lớp. |
| ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*** | |
| GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm bằng hình thứ bốc thăm ngẫu nhiên | - HS trình bày trước lớp kết quả làm việc cá nhân.  - HS khác theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung, đánh giá. |
| ***Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét bằng phiếu nộp, khen ngợi và rút kinh nghiệm.  **+ Đáp án lựa chọn 1 tham khảo:**  Địa hình của Thành phố Hồ Chí Minh là đồng bằng thấp. Mặc dù có một phần tương đối lớn lãnh thổ là vùng trũng (trên 70% diện tích đất tự nhiên nằm trong vùng chịu tác động của thuỷ triều), nhưng do tác động của chế độ bán nhật triều nên khả năng thoát nước nhanh, ít gây ngập úng kéo dài, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình dân dụng và phát triển các ngành kinh tế. Nhìn chung, địa hình Thành phố Hồ Chí Minh không phức tạp, song cũng khá đa dạng, có điều kiện để phát triển nhiều mặt, nhất là giao thông vận tải.  **+ CCĐG 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Tiêu chí*** | ***Điểm tối đa*** | ***Điểm đạt được*** | | Sản phẩm thự hiện đúng nội dung yêu cầu | 4 |  | | Số lượng sản phẩm phong phú, đa dạng; chất lượng hình ảnh rõ nét. | 3 |  | | Cách thực hiện bộ siêu tập hình ảnh sáng tạo/ nội dung thông tin có chọn lọc, đắt giá | 2 |  | | Hoàn thành đúng tiến độ giáo viên giao. | 1 |  | | |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

|  |  |
| --- | --- |
| **KÝ DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG**  Ngày ký:………………………………………………… | |
| Ý kiến góp ý, nhận xét:…………………………………………….  ……………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………… | Ký duyệt |